TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **110**/2017/QĐST-HNGĐ	*Đất Đỏ, ngày 21 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa:

-*Nguyên đơn*: Ông Trần Văn Ái N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

-*Bị đơn:* Bà Đinh Thị Thủy T, sinh năm 1985; HKTT: Tổ A, ấp B, xã C, thị xã D, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: tổ Y, khu phố K, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 116 và điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2017 .

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Trần Văn Ái N, sinh năm 1986; Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bà Đinh Thị Thủy T, sinh năm 1985; HKTT: tổ A, ấp B, xã C, thị xã D, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: tổ Y, khu phố K, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Ái N và bà Đinh Thị Thủy T thuận tình ly hôn.

2.2.Về con chung: Ông N và bà T có 01 con chung là Trần Văn Thiên B, sinh ngày 12/7/2009, hiện con chung đang sống cùng bà T; Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu B cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng; Thời điểm cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ ngày 10/9/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông N, bà T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3.Về tài sản chung: Ông N, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về nợ chung: Ông N, bà T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5.Về án phí:

-Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng(một trăm năm mươi nghìn) đồng. Ông N, bà T mỗi người phải chịu 75.000 đồng(Bảy mươi lăm nghìn) đồng, nhưng ông N tự nguyện chịu toàn bộ;

-Án phí cấp dưỡng: Ông Trần Văn Ái N phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng(Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Tổng số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm các bên đương sự phải chịu là 300.000 đồng(Ba trăm nghìn đồng), nhưng ông N tự nguyện chịu toàn bộ và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004200 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ
Thẩm Phán

(Đã ký)

Ngô Diệp Lai